TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-ST
Ngày 21-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Giáo viên;

Ông Hoàng Đắc Hân, Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lại Văn Quyền, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2020/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Hoàng Văn T, sinh ngày 14/6/1986 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký thường trú: Thôn 9, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 08/8/2019, bị tạm giam ngày 16/8/2019; có mặt.

2/ Hoàng Văn K, sinh ngày 02/02/1977 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký thường trú: Thôn 9, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Kh và bà Nguyễn Thị D; đã ly hôn vợ và có 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 08/8/2019, bị tạm giam ngày 16/8/2019; có mặt.

3/ Đàm Văn S, sinh ngày 22/9/1962 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký thường trú: Thôn H, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn S, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa:

3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn L và bà Vũ Thị Bích H; có vợ và 01 con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 08/8/2019, bị tạm giam ngày 16/8/2019; có mặt.

4/ Nguyễn Văn L, sinh ngày 14/4/1989 tại thành phố Hải Phòng; đăng ký thường trú: Thôn G, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và bà Trần Thị M; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 08/8/2019, bị tạm giam ngày 16/8/2019, bị áp dụng cho bảo lĩnh tại ngoại ngày 24/10/2019; có mặt.

- *Người bào chữa:*

1. Ông Bùi Văn B, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng, bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T; có mặt.

2. Bà Đoàn Thị H, Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng, bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K; có mặt.

- *Bị hại:*

Cháu Hoàng Mai H, sinh ngày 15/10/2005; đăng ký thường trú: xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện là học sinh lớp 8, Trường trung học cơ sở C, huyện T; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

Ông Hoàng Văn Th và bà Ngô Thị L (là bố - mẹ đẻ của bị hại), cùng đăng ký thường trú: xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:*

Ông Nguyễn Văn T, Luật sư của Văn phòng Luật sư NT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, Cộng tác viên Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Đại diện nhà trường nơi bị hại học tập:*

Bà Đào Hồng Th, giáo viên Chủ nhiệm, Trường trung học cơ sở C, năm học 2019-2020; có mặt.

Ông Vũ Huy H, Giáo viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Trường trung học cơ sở C; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và cháu Hoàng Mai H cùng ở Thôn 9, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng có quen biết nhau. Qua nhiều lần tiếp xúc, T đã nảy sinh ý định muốn quan hệ tình dục với cháu H. Thực hiện ý định, T đã rủ cháu H quan hệ tình dục và hứa sau khi quan hệ xong sẽ cho cháu H tiền, cháu H đồng ý.

Sau khi đã giao cấu với cháu H thì Tuyến đã giới thiệu để Hoàng Văn K, Đàm Văn S làm quen, quan hệ tình dục với cháu H. Từ khoảng đầu tháng 6/2019 đến ngày 03/8/2019, Tuyến, K và S đã giao cấu với cháu H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 13 giờ một ngày đầu tháng 6/2019, T ở nhà một mình thì cháu H đi bộ qua ngõ. T nảy sinh ý định giao cấu với cháu H nên đã rủ cháu H vào nhà. T hứa sẽ cho cháu H 100.000 đồng nên cháu H đã đồng ý giao cấu với Tuyến. T sử dụng bao cao su và giao cấu với cháu H tại phòng ngủ của T. Giao cấu xong, T cho cháu H 100.000 đồng. T vứt bao cao su ra rãnh nước trước cửa nhà.

Lần thứ hai: Khoảng 9 giờ một ngày giữa tháng 6/2019, T cùng cháu H đến nhà Hoàng Văn K chơi. T nói với K là cho cháu H tiền thì có thể quan hệ tình dục với cháu H. K đặt vấn đề muốn giao cấu và hứa sẽ cho cháu H tiền, cháu H đồng ý. K đưa cháu H vào gian nhà kho của gia đình, giao cấu với cháu H. Giao cấu xong, K cho cháu H 100.000 đồng.

Lần thứ ba: Trưa một ngày sau lần thứ hai khoảng 2 đến 3 ngày, K gọi điện nhờ T nhắn cháu H đến nhà K. T đã gặp và nói với cháu H là K đang tìm. Sau đó, Hương đi bộ đến nhà gặp K. K dẫn cháu H ra vườn, sử dụng bao cao su giao cấu với cháu H. Sau khi giao cấu, K cho cháu H 100.000 đồng. K vứt bao cao su ở mương nước gần đó.

Lần thứ tư: Khoảng 14 giờ một ngày đầu tháng 7/2019, T và K bàn nhau dẫn cháu H xuống nhà của Đàm Văn S để giao cấu với cháu H. K điều khiển xe mô tô chở T, cháu H tự điều khiển xe đạp điện đến nhà S. Khi đến nơi, cháu H đi lên phòng ngủ ở trên tầng 2, T và K ở dưới tầng 1. Sau đó, K, T lần lượt giao cấu với cháu H. Sau khi giao cấu, K cho cháu H 100.000 đồng, T cho cháu H 50.000 đồng. Sau đó, T gọi điện cho S bảo về nhà có việc. Khi S về đến nhà, T nói với S có cháu H đang ở trên phòng ngủ tầng 2, cho cháu H tiền là có thể quan hệ tình dục được. S đi lên đặt vấn đề muốn quan hệ tình dục, cháu H đồng ý. S sử dụng bao cao su giao cấu với cháu H. Sau khi giao cấu xong thì S cho cháu H 100.000 đồng. S vứt bao cao su ra phía sau nhà qua cửa sổ.

Lần thứ năm: Khoảng 9 giờ một ngày trong tháng 7/2019, T đang ở nhà S, cháu H đi xe đạp điện đến. Cháu H lên phòng ngủ tầng 2 và nằm trên giường. T đi lên, sử dụng bao cao su giao cấu với cháu H. Sau đó, T cho cháu H 200.000 đồng. T vứt bao cao su ra phía sau nhà qua cửa sổ.

Lần thứ sáu: Khoảng 14 giờ một ngày giữa tháng 7/2019, T và K ăn cơm tại nhà S. Cháu H đi xe đạp điện đến. S đã sử dụng bao cao su giao cấu với cháu H tại phòng ngủ tầng 2 và cho cháu H 200.000 đồng. S vứt bao cao su ra phía sau nhà qua cửa sổ.

Lần thứ bảy: Khoảng 12 giờ ngày 30/7/2019, T và K đến nhà S ăn cơm. Có mặt tại nhà S khi đó còn có ông Đoàn Văn T2 (sinh năm 1943, cùng ở xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng đến nhà S chơi). Khi đó thì cháu H đi xe đạp đến. Sau khi

ăn cơm xong thì ông T2 đi ngủ, S đi làm. T và K nảy sinh ý định giao cấu với cháu H nhưng do không có bao cao su nên T, K đã đến gặp bạn tên Cương ở xã Thiên Hương, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xin được 03 bao cao su. Sau đó, K và T lần lượt giao cấu với cháu H tại phòng ngủ tầng 2 nhà S. Giao cấu xong, K cho cháu H 100.000 đồng.

Lần thứ tám: Khoảng 14 giờ ngày 03/8/2019, S ở nhà thì cháu H đi xe đạp đến. S đã giao cấu với cháu H, S cho cháu H 200.000 đồng.

Ngoài Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S thì cháu H có quen với Nguyễn Văn L qua mạng xã hội Facebook. Quá trình quen biết thì L và cháu H phát sinh tình cảm. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 07/8/2019, cháu H nhắn tin rủ L đến cổng trường Trung học phổ thông Quang Trung ở xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng để đón đi chơi, L đồng ý. L điều khiển xe mô tô đến điểm hẹn chở cháu H đến khu vực cầu Giá thuộc địa phận xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên để câu cá cùng Vũ Bình P (sinh năm 1990, nới cư trú Thôn 1, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng là bạn của L). Sau đó, L chở cháu H sang thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh chơi. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, L chở cháu H về thuê phòng số 205 của nhà nghỉ ở Thôn 4, xã L, huyện T, thành phố Hải Phòng. Tại đây, L dùng tay sờ, nắn vào ngực của cháu H. L dùng tay cởi quần áo của cháu H, dùng ngón tay cho vào trong âm đạo của cháu H. Thấy cháu H không phản ứng gì, L tự cởi quần để ấn dương vật của mình vào bộ phận sinh dục của cháu H để giao cấu nhưng dương vật của L không đưa sâu vào trong âm đạo của cháu H nên L đã dừng lại và không giao cấu nữa. L và cháu H mặc quần áo rồi L trả tiền thuê phòng nghỉ và chở cháu H về.

Khi cháu H về nhà thì ông Hoàng Văn Th là bố đẻ của cháu H thấy con có biểu hiện nghi vấn nên đã hỏi. Cháu H đã kể lại việc cùng với Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L quan hệ tình dục. Ngày 08/8/2019, ông Hoàng Văn Thanh đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

Cơ quan điều tra khám nghiệm hiện trường thu giữ tại khu vực bãi đất trống phía sau nhà của Đàm Văn S 02 vỏ đựng bao cao su màu tím. Viện kiểm sát đã chuyển 02 vỏ này đến kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên để quản lý.

Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 409/2019/TD ngày 13/8/2019 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: Nạn nhân Hoàng Mai H không có dấu vết thương tích cũ và mới; màng trinh dãn rộng, không xác định được thời gian gây giãn màng trinh; không có xác tinh trùng trong âm đạo; hiện tại Hoàng Mai H không có thai. Tại Công văn số 131 nghày 29/11/2019 của Trung tâm pháp y Hải Phòng giải thích: Màng trinh của Hoàng Mai H giãn rộng do nhiều nguyên nhân gây nên trong đó có nguyên nhân do quan hệ tình dục. Việc nạn nhân

bị các đối tượng giao cấu nhiều lần nhưng màng trinh chỉ bị giãn rộng do có cấu tạo màng trinh loại dày co giãn rất khó bị rách khi quan hệ tình dục là bình thường.

Ngày 08/8/2019, Nguyễn Văn L đến Công an huyện Thủy Nguyên đầu thú; Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S bị tạm giữ.

Qua sự tác động từ phía các bị cáo, quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Văn L đã bồi thường cho cháu H 10.000.000 đồng, gia đình Đàm Văn S đã bồi thường cho cháu H 5.000.000 đồng; tại giai đoạn xét xử, gia đình bị cáo Hoàng Văn T đã bồi thường cho cháu H 3.000.000 đồng, gia đình bị cáo Hoàng Văn K đã bồi thường cho cháu H 2.000.000 đồng.

Cháu H và người đại diện hợp pháp của cháu H yêu cầu các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và bị cáo Đàm Văn S mỗi bị cáo phải bồi thường 25.000.000 đồng (được trừ đi số tiền đã bồi thường) thiệt hại về sức khỏe và tinh thần, không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường thêm và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Nguyễn Văn L.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSTN ngày 16/01/2020, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên truy tố Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi với tình tiết phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự; truy tố Nguyễn Văn L về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố tại bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với 04 bị cáo. Kiểm sát viên đánh giá các bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự; 04 bị cáo cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, bị cáo Hoàng Văn T là người khuyết tật đặc biệt nặng, các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại, bị cáo Nguyễn Văn L ra đầu thú, đã tự nguyện bồi thường đầy đủ khoản tiền theo yêu cầu của bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; về vai trò đồng phạm của 03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S trong vụ án là ngang nhau. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L phạm tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi; áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 42 tháng đến 48 tháng tù, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K từ 42 tháng đến 48 tháng tù, áp dụng điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn S từ 42 tháng đến 48 tháng tù, áp dụng khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo; đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 vỏ đựng bao cao su đã qua sử dụng; áp dụng Điều 584, Điều 590 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự, buộc 03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S, mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần cho cho bị hại số tiền 25.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bồi thường, bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường tiếp 22.000.000 đồng, bị cáo phải Hoàng Văn K bồi thường tiếp 23.000.000 đồng, bị cáo Đàm Văn S phải bồi thường tiếp cho bị hại số tiền 20.000.000 đồng; xem xét 02 bị cáo Hoàng Văn T và Hoàng Văn K thuộc trường hợp được miễn án phí, 02 bị cáo Đàm Văn S và Nguyễn Văn L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án, có người nam giới tên Cương có hành vi đưa bao cao su cho bị cáo Hoàng Văn T, Cơ quan điều tra tách việc làm rõ căn cước, lai lịch đối tượng này để xử lý. Ông Đoàn Văn T2 không biết, không tham gia vào việc thực hiện hành vi phạm tội cùng 03 bị cáo T, K và S nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Các bị cáo nhận tội và đồng ý cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Các bị cáo nhận thức được việc quan hệ tình dục với trẻ em là sai trái, vi phạm pháp luật. Các bị cáo biết bị hại còn là trẻ em nhưng vì bản năng với ham muốn nên các bị cáo đã dụ dỗ, hứa hẹn cho tiền, yêu đương để giao cấu với bị hại. Các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và tự nguyện bồi thường thiệt hại. Các bị cáo mong Hội đồng xét xử khoan hồng, xử phạt với mức hình phạt thấp nhất để được rèn luyện, cải tạo bản thân, sống có ích với xã hội.

Ý kiến của Trợ giúp viên pháp lý Bùi Văn B bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn T, Trợ giúp viên pháp lý Đoàn Thị H bào chữa cho bị cáo Hoàng Văn K: Đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt đối với 02 bị cáo; đồng ý với đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ của Kiểm sát viên tại phiên tòa, 02 bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Hoàng Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xem xét thêm tình tiết các bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo Hoàng Văn K thuộc diện hộ nghèo để cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; vụ án xảy ra cũng một phần lỗi của cha mẹ bị hại trong việc quan tâm, chăm sóc, giáo dục con cái. Từ nhận định trên, người bào chữa đề nghị Hội đồn xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K dưới mức thấp nhất của khung hình phạt. Về bồi thường dân sự, người bào chữa đề nghị áp dụng Điều 592 của Bộ luật Dân sự, xác định mức bồi thường bù

đắp tổn thất về tinh thần do danh sự, nhân phẩm bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Ý kiến của Luật sư Nguyễn Văn T bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Đồng ý với cáo trạng của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh và khung hình phạt, tình tiết giảm nhẹ áp dụng đối với các bị cáo; về hình phạt, đề nghị xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 06 năm tù, xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 05 năm tù, xử phạt bị cáo Đàm Văn S 05 năm tù, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; về bồi thường thiệt hại, do bị xâm hại nên cháu H cần phải được điều trị lâu dài đặc biệt là tổn thất tinh thần nên đề nghị áp dụng Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, buộc 03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S bồi thường theo như đề nghị của đại diện của bị hại.

Căn cứ quá trình tranh tụng, các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thủy Nguyên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên và người tiến hành tố tụng thuộc các cơ quan này trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội phạm mà Viện Kiểm sát truy tố đối với các bị cáo

04 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L là người trưởng thành, có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Các bị cáo biết việc xâm hại tình dục đối với trẻ em là vi phạm pháp luật, là việc mà xã hội lên án. Tuy nhiên do ham muốn tình dục lệch lạc, các bị cáo đã hứa hẹn cho tiền hoặc lợi dụng tình cảm cá nhân để giao cấu với cháu Hoàng Mai H, trong khoản thời gian từ đầu tháng 6/92019 đến ngày 07/8/2019 tại các địa điểm nhà riêng, ngoài vườn, nhà nghỉ. Cháu Hoàng Mai H sinh ngày 15/10/2005, nên trong khoảng thời gian bị xâm hại, cháu Hoàng Mai H mới được 13 năm 8 tháng tuổi đến 13 năm 9 tháng 22 ngày tuổi. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường về tâm, sinh lý của trẻ em. Vì vậy, Hội đồng xét xử đồng ý với truy tố của Viện kiểm sát đối với 04 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án, bị cáo Hoàng Văn T giao cấu 04 lần, bị cáo Hoàng Văn K giao cấu 04 lần, bị cáo Đàm Văn S giao cấu 03 lần với cháu Hoàng Mai H nên 03 bị cáo đã phạm tội Giao cấu với người tử đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi với tình tiết định khung hình phạt phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm a khoản 2 Điều 145 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn L giao cấu với cháu Hoàng Mai H 01 lần nên bị cáo đã phạm tội Giao cấu với người tử đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi quy định tại khoản 1 Điều 145 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về hình phạt áp dụng đối với các bị cáo phạm tội

Hiện nay, tội phạm xâm hại tình dục trẻ em đang có dấu hiệu gia tăng. Hậu quả của loại tội phạm này trước hết tác động trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm, sự phát triển bình thường của trẻ về tâm lý, giới tính cũng như tương lai của trẻ em sau này. Bên canh đó, tội phạm này tác động trực tiếp đến các nền tảng đảo đức xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong dư luận. Để ngăn chặn loại tội phạm này cần phải áp dụng hình phạt đối với người phạm tội. Do vậy, cần buộc 04 bị cáo trong vụ án phải chịu hình phạt tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ, vai trò đồng phạm và nhân thân của các bị cáo.

04 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Quá trình từ khi bị khởi tố, điều tra, truy tố và tại phiên tòa, 04 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K, Đàm Văn S và Nguyễn Văn L tỏ ra ăn năn hối cải và đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm được xem xét áp dụng theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn L đã tự giác bồi thường đủ khoản tiền theo yêu cầu của bị hại, các bị cáo còn lại đã tác động đến gia đình tự nguyện bồi thường được một phần yêu cầu của bị hại, cụ thể bị cáo Đàm Văn S bồi thường 5.000.000 đồng, bị cáo Hoàng Văn T bồi thường 3.000.000 đồng, bị cáo Hoàng Văn K bồi thường 2.000.000 đồng. 04 bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại nên được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Văn T là người khuyết tật đặc biệt nặng nên được xem xét cho hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn L sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tự giác ra đầu thú. Bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Các tình tiết này được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với tình tiết người phạm tội lần đầu và người phạm tội thuộc diện hộ nghèo, lý do này không phù hợp để được xem xét là tình tiết giảm nhẹ quy định tại

khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự như đề nghị của người bào chữa cho 02 bị cáo Hoàng Văn T và Hoàng Văn K.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo

Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội độc lập không có mối liên hệ với 03 bị cáo còn lại.

03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S đều là người thực hành. Bị cáo T là người giao cấu với bị hại sau đó thông tin cho bị cáo K và bị cáo S nên đánh giá vai trò của bị cáo K và bị cáo S thấp hơn bị cáo T.

Về nhân thân, 04 bị cáo ngoài lần phạm tội này thì trước đây các bị cáo chưa phạm tội hoặc vi phạm khác.

Đối với đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo T và bị cáo K dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của người bào chữa, Hội đồng xét xử đánh giá mặc dù 02 bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nhưng với tính rất nghiêm trọng và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo T và bị cáo K thực hiện thì mức hình phạt 02 bị cáo phải chịu không thể thấp hơn mức thấp nhất của khung hình phạt áp dụng.

Về mức hình phạt mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng cho Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S, Hội đồng xét xử đánh giá với nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ mà 03 bị cáo T, K và S được hưởng thì mức hình phạt của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị là nặng.

Cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò đồng phạm, Hội đồng xét xử xét mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với 03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S là phù hợp. Mặc dù vai trò đồng phạm của bị cáo T cao hơn so với bị cáo K và bị cáo S, nhưng bị cáo T nhiều hơn một tình tiết giảm nhẹ là người khuyết tật đặc biệt nặng nên 03 bị cáo sẽ chịu mức hình phạt bằng nhau. Đối với bị cáo Nguyễn Văn L có quan hệ tình cảm yêu đương nên đã phạm tội, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Do vậy, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên cho bị cáo Nguyễn Văn L hưởng án treo. Mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo trong vụ án đảm bảo trừng trị và giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới; giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Bị cáo Hoàng Văn T, bị cáo Hoàng Văn K, bị cáo Đàm Văn S và bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, bị hại là cháu Hoàng Mai H. Các bị cáo có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, cố ý thực

hiện hành vi giao cấu với bị hại, thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bị hại có nguyên nhân trực tiếp từ hành vi giao cấu của các bị cáo. Bị hại đã yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại. Do vậy, 04 bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Trong vụ án, các bị cáo xâm phạm gây thiệt hại về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm đối với bị hại. Người bào chữa của bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Hoàng Văn K đề nghị xem xét mức bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do danh dự, nhân phẩm bị xâm phạm không quá mười lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định theo khoản 2 Điều 592 của Bộ luật Dân sự. Đề nghị này mới chỉ đề cập bồi thường một phần thiệt hại, các bị cáo còn phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm sức khỏe của bị hại.

Bị hại trong vụ án khi bị xâm phạm gây thiệt hại mới 13 năm 8 tháng tuổi. Bị hại chưa phát triển hoàn thiện về thể chất cũng như tâm, sinh lý. Thiệt hại về sức khỏe thể chất, tâm lý đối với bị hại cần nhiều thời gian chăm sóc, điều trị. Đồng thời danh dự, nhân phẩm của bị hại cũng bị ảnh hưởng tiêu cực cần được bù đắp.

Xét yêu cầu của đại diện bị hại đối với ác bị cáo, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn L bồi thường 10.000.000 đồng, 03 bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S, mỗi bị cáo bồi thường 25.000.000 đồng. Mức đề nghị bồi thường của đại diện bị hại là có căn cứ và phù hợp nên được chấp nhận.

Bị cáo Nguyễn Văn L đã bồi thường đủ cho bị hại. Bị cáo Hoàng Văn T đã bồi thường khoản tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Hoàng Văn K đã bồi thường khoản tiền 2.000.000 đồng, bị cáo Đàm Văn S đã bồi thường khoản tiền 5.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn K và Đàm Văn S còn phải có nghĩa vụ bồi thường tiếp khoản tiền còn lại theo cầu của đại diện bị hại.

[5] Về xử lý vật chứng

Vật chứng của vụ án thu giữ được là 02 vỏ đựng bao cao su, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí

Bị cáo Hoàng Văn T là người khuyết tật đặc biệt nặng, bị cáo Hoàng Văn K thuộc diện hộ nghèo nên được miễn án phí.

Bị cáo Đàm Văn S và bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, p, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Hoàng Văn K 03 năm 06 tháng tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2019.

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 145, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đàm Văn S 03 năm 06 tháng tù về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, thời hạn tù tính từ ngày 08/8/2019;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 145, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án về tội Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào Điều 589, Điều 590 và Điều 592 của Bộ luật Dân sự,

Bị cáo Hoàng Văn T có nghĩa vụ bồi thường đối với cháu Hoàng Mai H khoản tiền 25.000.000 đồng, trừ đi số tiền 3.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự, bị cáo Hoàng Văn T còn phải trả tiếp cho cháu Hoàng Mai H số tiền 22.000.000 đồng.

Bị cáo Hoàng Văn K có nghĩa vụ bồi thường đối với cháu Hoàng Mai H khoản tiền 25.000.000 đồng, trừ đi số tiền 2.000.000 đồng đã nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự, bị cáo Hoàng Văn K còn phải trả tiếp cho cháu Hoàng Mai H số tiền 23.000.000 đồng.

Bị cáo Đàm Văn S có nghĩa vụ bồi thường đối với cháu Hoàng Mai H khoản tiền 25.000.000 đồng, trừ đi số tiền 5.000.000 đồng đã đưa cho bị hại, bị cáo Đàm Văn S còn phải trả tiếp cho cháu Hoàng Mai H số tiền 20.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Kể từ thời điểm người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ chậm trả tiền thì người đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trả cho cháu Hoàng Mai H số tiền 3.000.000 đồng của bị cáo Hoàng Văn T đã bồi thường (ghi tại biên lai thu tiền số 0000310 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

Trả cho cháu Hoàng Mai H số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Hoàng Văn K đã bồi thường (ghi tại biên lai thu tiền số 0000311 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

- Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 02 vỏ bao cao su đã qua sử dụng, trên vỏ bao có dòng chữ "GOLDEN TIME", "Vệ sỹ gia đình" (theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng).

- Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Hoàng Văn T và bị cáo Hoàng Văn K.

Bị cáo Đàm Văn S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND; VKSND TP. Hải Phòng;
- Công an TP. Hải Phòng (PV06);
- CQCSĐT, VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H.Thủy Nguyên;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng (Trích lục);
- Trại Tạm giam Công an TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Quốc Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Phương